

Bản án số: 84/2021/DS - PT

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2020/TLPT-DS ngày 12/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị P, sinh năm 1963;

Trú tại: Xóm CP2, xã ML, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978 - Luật sư Văn phòng luật sư TN - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (bà P vắng mặt, bà N có mặt).

Bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối Quản trị rủi ro X;

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn P, ông Nguyễn Quang T, ông Đinh Hoàng L, ông Hoàng Đình H1. (ông P, ông T, ông H1 có mặt, ông L vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Xuân C, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978 - Luật sư Văn phòng luật sư TN - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. Chị Trần Tuyết L1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

4. Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

5. Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Đều trú tại: Xóm CP2, xã ML, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Vi Nghĩa H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Hiện đang cải tạo tại phân trại số 3 Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an.

7. Ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1961 (vắng mặt)

8. Bà Trần Thị N, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Ông T ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng

Cùng địa chỉ: Tổ 15 (nay là tổ 7), phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau: Nguyên đơn bà Quách Thị P và đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn nên ngày 26/5/2011 ông C, bà P, chị Trần Tuyết L1, chị Trần Thị Mỹ L, chị Trần Thị T1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh Phan Đình Phùng đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với diện tích 77,5m², thửa số 10, bản đồ số 12 thuộc thị trấn CH, huyện ĐH (nay thuộc tổ 12, phường CH, thành phố TN), tỉnh Thái Nguyên, được UBND huyện Đồng Hỷ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất ngày 22/7/2008 mang tên bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C.

Sau khi ký hợp đồng thế chấp thì giữa ông C, bà P có ký hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng X với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là một năm. Do thời điểm đó giữa bà P và ông C có quen biết với ông Vi Nghĩa H là giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh Phan Đình Phùng nên ông H đã làm thủ tục cho bà P, ông C vay vốn đồng thời toàn bộ số tiền này ông C, bà P đã nhận đủ và đưa cho em trai là Quách Văn Đ sử dụng để làm trang trại. Hết thời hạn một năm bà P đi cùng ông Đ đến ngân hàng trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng, ông Vi Nghĩa H - Giám đốc có hẹn vợ chồng bà P sang tuần sau (kể từ ngày bà P trả nợ cho Ngân hàng gốc và lãi) đến lấy bìa đỏ về vì ông H còn phải làm thủ tục ở Ngân hàng, sau đó nhiều lần bà P đến tìm ông H đòi GCNQSD đất nhưng ông H trốn tránh không trả.

Đến tháng 01 năm 2013 gia đình bà P nhận được Thông báo của Ngân hàng X yêu cầu bà P, ông C trả nợ cho Ngân hàng X với số tiền nợ gốc là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), vợ chồng bà P không hiểu lý do nên đã liên tục đến Ngân hàng để đòi lại GCNQSD đất vì gia đình bà không vay số tiền 360.000.000 đồng như ngân hàng đã đòi, đồng thời nhiều lần yêu cầu

Ngân hàng cung cấp cho vợ chồng bà Hợp đồng tín dụng về việc vay số tiền này. Sau nhiều lần yêu cầu cung cấp hợp đồng tín dụng với số tiền nợ 360.000.000 đồng thì vợ chồng bà được Ngân hàng cung cấp hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 8/6/2012 và một khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 (khế ước không ghi ngày). Qua xem xét lại chữ ký trong hợp đồng tín dụng ký năm 2012 ông bà thấy toàn bộ chữ ký của vợ chồng bà P và các con bà P, ông C ký trong hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2012 và ký trong khế ước nhận nợ không phải chữ ký của vợ chồng bà P và các con của bà P, ông C.

Do đó ông C, bà P đã làm đơn khởi kiện đồng thời đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ và giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng năm 2012, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng năm 2012 xác định không phải chữ ký, chữ viết của ông C, bà P.

Do đó, ông C, bà P đề nghị Tòa án xem xét hủy hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 8/6/2012; Hủy khế ước nhận nợ số 0155/CN/KUNN/52 tháng 6/2012 và Chấm dứt Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0104CN.01/HĐTC/52/11 ngày 26/5/2011 của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam do vợ chồng bà P đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho Ngân hàng đồng thời yêu cầu Ngân hàng TMCP X (X) trả GCNQSD đất của gia đình bà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam (X) trình bày:

Về hợp đồng tín dụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm lần 1 phía Ngân hàng xác định ông Trần Xuân C và Bà Quách Thị P đã ký hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 8/6/2012 để vay vốn tại Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Phòng giao dịch Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên để vay số tiền 360.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông C và bà P đã ký khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012. Năm 2011 có ký hợp đồng tín dụng và cho bà P, ông C vay số tiền là 700.000.000 đồng, về khoản này đến nay xác định đã trả 350.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại của năm 2011 là 350.000.000 đồng. Theo nghĩa vụ tài chính thì bà P xác định có ký kết hợp đồng số tiền 350.000.000 đồng đến nay gia đình bà P, ông C chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với khoản vay này, đến nay bà P cũng không đưa ra được chứng cứ gì về việc tất toán số tiền 350.000.000 đồng, thực tế khi ký kết hợp đồng hai bên thì mỗi bên được giữ một bản do đó bà P phải có nghĩa vụ chứng minh. Đối với tài liệu tại ngân hàng liên quan đến hồ sơ của bà Quách Thị P hiện nay bị thất lạc nên không cung cấp được.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay năm 2011, ông C, bà P, chị Trần Tuyết L1, chị Trần Thị Mỹ L, chị Trần Thị T1 đã ký hợp đồng thế chấp số 0104CN.01/HĐTC/52/11 số công chứng 1564, quyển 1, ngày 26/5/2011 tại Văn phòng công chứng phía Nam thành phố Thái Nguyên. Theo

đó ông C, bà P, chị L1, chị L, chị T1 đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 10, tờ bản đồ số 12 địa chỉ thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 962881 do UBND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/7/2008 đứng tên hộ bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C để thế chấp, bảo đảm cho khoản vay, việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Quách Văn Đ trình bày: Đầu năm 2011, do cần vốn chăn nuôi nên ông có nhờ vợ chồng chị gái là bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C, bà P ở Ngân hàng X để vay vốn. Do quen biết với anh Vi Nghĩa H là Giám đốc chi nhánh Ngân hàng X phòng Giao dịch Phan Đình Phùng nên anh H đồng ý làm thủ tục cho chị P được vay vốn, ngày 26/5/2011 Ngân hàng giải ngân số tiền 350.000.000đ cho chị P anh C, thời hạn vay là 1 năm, chị P, anh C đã nhận tiền và giao lại cho ông Đ sử dụng số tiền vay 350.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ ông Đ và bà P đến ngân hàng trả toàn bộ số nợ 350.000.000 đồng, nhưng bà P chưa nhận lại GCNQSD đất do anh H chưa làm thủ tục để trả lại, ông xác định số nợ 350.000.000 đồng ông và gia đình bà P, ông C đã trả xong cho Ngân hàng và không còn liên quan gì nữa.

Anh Vi Nghĩa H trình bày: Năm 2011 anh làm Giám đốc chi nhánh Ngân hàng X - Phòng giao dịch Phan Đình Phùng, anh có làm thủ tục cho bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C vay số tiền 350.000.000đ thời hạn vay 01 năm tài sản thế chấp giấy chứng nhận QSD đất số AK962881 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02702 do UBND huyện Đồng Hỷ cấp ngày 22/7/2008 mang tên Quách Thị P và Trần Xuân C tại thửa đất số 10; tờ bản đồ 12 tại thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 77,5m² mục đích sử dụng ODT, thời hạn sử dụng lâu dài. Hết thời hạn sử dụng một năm bà P và ông C đã thanh toán đầy đủ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng ông C, bà P chưa lấy Giấy chứng nhận QSD đất về. Năm 2012 anh Hà có nhu cầu vay vốn Ngân hàng nên đã tự ý sử dụng hợp đồng thế chấp tài sản số 0104CN 01/HĐTD/52/11 ngày 26/5/2011 và giấy chứng nhận QSD đất của bà P và ông C vẫn để lại Ngân hàng để lập hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 vay số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Anh đã tự ký chữ ký, chữ viết họ và tên của bà P, ông C, chị Trần Tuyết L1, chị Trần Thị Mỹ L, chị Trần Thị T1 là con gái của bà P, ông C ở các trang của hợp đồng tín dụng vào bên vay hợp đồng tín dụng và tất cả các thủ tục khác cần có chữ ký của những người trên, anh đã trực tiếp nhận số tiền 360.000.000 đồng từ Ngân hàng và sử dụng khoản tiền đó cho mục đích cá nhân. Anh H xác định có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0155 CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 cho Ngân hàng. Tại phiên tòa anh H xác định năm 2011 và năm 2012 thực hiện nhiều hồ sơ tín dụng như trường hợp của bà P, ông C nên đến nay anh không nhớ năm 2011 cho bà P ông C vay bao nhiêu tiền,

tuy nhiên anh xác định năm 2011 bà P đã trả tiền, do cần tiền nên năm 2012 anh có tự làm thủ tục và ký tên trong hợp đồng tín dụng năm 2012 để lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân, anh tiếp tục xác định có trách nhiệm đối với khoản vay năm 2012 khi ngân hàng có yêu cầu.

Bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Khắc T là vợ chồng, trước đây bà cùng làm một công ty với ông C, đồng thời do nhà bà ở sát nhà ông C nên biết bà P, ông C có nhu cầu bán nhà, ngày 12/7/2015 giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông C đã thỏa thuận mua ngôi nhà của ông C, bà P tại thửa số 10, tờ bản đồ số 12 địa chỉ thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ (nay là phường CH, thành phố Thái Nguyên) với giá 950.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng bà P, ông C số tiền 350.000.000 đồng, đến nay chưa trả vì chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình từ khi mua nhà cho đến nay, vợ chồng bà N là người trực tiếp quản lý, cải tạo và sửa chữa ngôi nhà trên, số tiền cải tạo sửa chữa hết 370.000.000 đồng, khi mua nhà ông C, bà P cũng nói đã trả tiền ngân hàng lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ giao lại cho ông bà quản lý. Việc xảy ra tranh chấp giữa bà P, ông C và Ngân hàng gia đình bà không biết, đến nay bà đề nghị được giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng ngôi nhà, đối với việc mua bán nhà giữa gia đình bà và gia đình ông C, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án bà Quách Thị P đã có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 8/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày 08/6/2012.

Tại bản Kết luận giám định số 84/GĐTL-KTHS ngày 12/8/2015 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên đã có kết luận: Chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng số 0155 CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 do Ngân hàng cung cấp không phải chữ ký của bà P, ông C cùng các con.

Quá trình giải quyết:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 18/2018/DSST ngày 06/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị P về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP X Việt Nam. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký thế chấp với Ngân hàng TMCP X (X) số 0104 lập ngày 26/05/2011 đến ngày 26/5/2012 hết hiệu lực. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 0155 ngày 8/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0155 ngày 8 tháng 6 năm 2012 là vô hiệu. Buộc Ngân hàng TMCP X trả lại cho bà Quách Thị P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 962881 cấp ngày 22/7/2008 mang tên hộ bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C, số thửa 10, tờ bản đồ 12, diện tích 77,5m² tại thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ. Ngoài ra còn dành quyền khởi kiện cho ngân hàng X hoặc gửi đơn đề nghị khởi tố đối với Vi Nghĩa H đối với số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) đã nhận năm 2012, tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 1) số 66/2018/DSPT ngày 13/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ từ cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên cũng như yêu cầu ngân hàng phải cung cấp tất cả các hợp đồng vay số tiền 350.000.000 đồng và việc trả tiền của gia đình bà P như thế nào? Nếu chưa trả thì khoản vay 350.000.000 đồng được thể hiện ra sao? Số dư hiện nay là bao nhiêu? Từ đó mới có căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 38/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị P về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam.

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà Quách Thị P, ông Trần Xuân C và các con là chị Trần Tuyết L1, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị T1 đã ký thế chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam (X) số 0104 lập ngày 26/05/2011 hết hiệu lực .

2. Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 là vô hiệu (*khế ước không ghi ngày*).

3. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam trả lại cho bà Quách Thị P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 962881 cấp ngày 22/7/2008 mang tên hộ bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C, số thửa 10, tờ bản đồ 12, diện tích 77,5m² tại thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ (nay là phường CH, thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên.

4. Không xem xét hậu quả của hợp đồng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 vô hiệu liên quan đến trách nhiệm của bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C.

5. Ngân hàng có quyền khởi kiện ông Vi Nghĩa H giả mạo chữ ký trong hợp đồng tín dụng 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và một khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 (*khế ước không ghi ngày*) về việc rút số tiền 360.000.000 đồng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020 Ngân hàng kháng cáo toàn bộ bản án, cụ thể đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị P với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng), kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam. Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 26/5/2011, vợ chồng bà P, ông C cùng các con là chị L1, chị L, chị T1, ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0104CN.01/HĐTC/52/11 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam. Tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12 diện tích 77,5m² thuộc thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ (nay là phường CH, thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/7/2008 mang tên hộ bà Quách Thị P và Trần Xuân C. (Hợp đồng thế chấp này do Ngân hàng cung cấp cho bà P năm 2015 và bà P giao nộp cho Tòa án). Theo lời khai của nguyên đơn bà P là vợ chồng bà ký hợp đồng tín dụng vay 350.000.000đ của Ngân hàng ngay sau khi ký hợp đồng thế chấp, thời hạn vay từ ngày 26/5/2011 đến ngày 26/5/2012. Vợ chồng bà đã trả đúng hạn tiền vay, tuy nhiên cho đến hiện tại Ngân hàng vẫn chưa trả lại GCNQSD đất trên cho bà.

Đối với bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam, không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà P vì lý do bà P còn nợ Ngân hàng số tiền vay 360.000.000đ, đồng thời Ngân hàng cung cấp Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 (*khế ước không ghi ngày*). Bà P, ông C cùng các con xác định năm 2012 không có bất cứ giao dịch nào với Ngân hàng và không thừa nhận chữ ký, viết trong tài liệu này là của mình và bà P đề nghị giám định chữ ký, chữ viết.

Tại bản Kết luận giám định số 84/GĐTL-KTHS ngày 12/8/2015 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên đã có kết luận: Chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng số 0155 CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 do Ngân hàng cung cấp không phải chữ ký của bà P, ông C cùng các con

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ban hành Quyết định yêu cầu Ngân hàng TMCP X Việt Nam cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến hồ sơ vay vốn của bà P, ông C với Ngân hàng năm 2011. Cụ thể Quyết định số 49/2019/QĐ-CCTLCC ngày 09/8/2019 và Quyết định số 50/2019/QĐ-CCTLCC ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên. Tuy nhiên Ngân hàng không cung cấp vì lý do không tìm thấy hồ sơ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 29/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 46/2021/QĐ-CCTLCC yêu cầu Ngân hàng TMCP X Việt Nam cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến hồ sơ vay vốn của bà P, ông C với Ngân hàng năm 2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/4/2021, Ngân hàng cung cấp hợp đồng tín dụng năm 2011 với bà P và “Giấy rút tiền”, ghi ngày 8/6/2012 có nội dung bà P ký nhận 360.000.000đ. Tuy nhiên bà P không thừa nhận chữ ký, chữ viết và đề nghị giám định chữ ký, chữ viết trong “Giấy rút tiền”, do Ngân hàng cung cấp.

Tại bản Kết luận giám định số 1162/KL - KTHS ngày 16/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Nguyên đã có kết luận: Chữ ký “P” và chữ viết dưới chữ ký mang tên “Quách Thị P” trên mẫu so sánh (kí hiệu M19, M20. M4,1. M6.1) do cùng một người ký và viết ra.

Tuy nhiên bà P vẫn khẳng định bà không ký và không nhận được 360.000.000đ của Ngân hàng, nhưng không đề nghị giám định lại mà đề nghị Tòa án không giải quyết việc Ngân hàng yêu cầu bà trả 360.000.000đ trong vụ án này. Bởi lẽ số tiền này không liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà và Ngân hàng năm 2011 và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Lời khai của Vi Nghĩa H ngày 01/8/2017 (Bút lục 78 - 81), cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 22/4/2021 xác định “...Bà P, ông C chưa lấy GCNQSDĐ về. Năm 2012 tôi có nhu cầu vay vốn ngân hàng nơi tôi đang làm nên tôi đã tự ý sử dụng hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0104 ngày 26/5/2011 và Giấy chứng nhận QSDĐ của bà P, ông C vẫn để lại ở NH để lập hợp đồng tín dụng số 0155 ngày 08/6/2012 để vay số tiền 360.000.000 đồng. Tôi tự ký chữ ký của bà P, ông C, chị L1, chị L, chị T1 ở bên vay và các T1 của Hợp đồng tín dụng. Tôi trực tiếp nhận 360.000.000đ và sử dụng cho mục đích cá nhân, tôi xác định có trách nhiệm trả”.

Với những tài liệu, chứng cứ trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với Ngân hàng TMCP X Việt Nam, về việc bà P đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng năm 2011. Ngân hàng không chứng minh được số tiền 360.000.000đ, theo yêu cầu của Ngân hàng đối với bà P có liên quan đến Hợp đồng thế chấp số 0104 CN.01/HĐTC/52/11, ngày 26/5/2011 của bà P với Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày Hợp đồng thế chấp số 0104 CN.01/HĐTC/52/11, ngày 26/5/2011, không những đảm bảo cho hợp đồng tín dụng năm 2011, mà còn đảm bảo cho những hợp đồng tín dụng tiếp theo, vì tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số 0104 CN.01/HĐTC/52/11, ngày 26/5/2011 giữa gia đình bà P và Ngân hàng còn có nội dung “*Bên thế chấp....để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay đối với X (bên nhận thế chấp), bao gồm tiền vay....theo hợp đồng tín dụng số 0104 CN.01/HĐTC/52/11, ngày 26/5/2011 và các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, LC....trong khoảng thời gian từ ngày 26/5/2011 đến 26/5/2021*”. Do vậy là hợp đồng này cũng là để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 giữa bà P với Ngân hàng.

Với chứng cứ là “Giấy rút tiền” ghi ngày 8/6/2012, do Ngân hàng cung cấp có nội dung bà P ký nhận 360.000.000đ, theo như đại diện theo ủy quyền của

Ngân hàng là Ngân hàng giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 giữa bà P với Ngân hàng.

Tuy nhiên ý kiến này của Ngân hàng là không có căn cứ bởi lẽ, bà P cùng chồng và các con là chị T1, chị L1, chị L không ký vào Hợp đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 08/6/2012 và Khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà P, cũng như quyền lợi của Ngân hàng, không giải quyết yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà P trả phải 360.000.000đ trong vụ án này vì không liên quan đến Hợp đồng thế chấp số 0104CN.01/HĐTC và Hợp đồng tín dụng 0104CN.01/HĐTD giữa bà Quách Thị P, ông Trần Xuân C và các con là chị Trần Tuyết L1, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị T1 đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam ngày 26/5/2011. Ngân hàng cũng không phản tố trong vụ án này, Ngân hàng có quyền khởi kiện đòi số tiền 360.000.000đ bằng một vụ kiện khác.

Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam.

[3.] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4.] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Áp dụng các Điều 127, 128, 405, 410, 718 và Điều 719 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 4 Điều 10, Điều 96 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 28 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Căn cứ Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị P:

1. Tuyên bố: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà Quách Thị P, ông Trần Xuân C và các con là chị Trần Tuyết L1, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị T1 đã ký thế chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam (X) số 0104CN.01/HĐTC/52/11 lập ngày 26/05/2011 là hết hiệu lực.

2. Hủy đồng tín dụng số 0155CN/HĐTD/52/12 ngày 8/6/2012 và một khế ước nhận nợ số 0155CN/KUNN/52 ngày: /06/2012 (khế ước không ghi ngày), do chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ không phải chữ ký của bà P, ông C và các con là chị T1, chị L1, chị L.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam trả lại cho bà Quách Thị P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 962881 cấp ngày 22/7/2008 mang tên hộ bà Quách Thị P và ông Trần Xuân C, số thửa 10, tờ bản đồ 12, diện tích 77,5m² tại thị trấn CH, huyện Đồng Hỷ (nay là phường CH, thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam có quyền khởi kiện đòi số tiền 360.000.000 đồng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bằng một vụ kiện khác.

Hoàn trả Ngân hàng chứng cứ là “Giấy rút tiền” ghi ngày 8/6/2012.

5. Về án phí: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Trả lại cho bà Quách Thị P số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003278 ngày 06/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0003641 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Anh Dân